

CÔNG TY CỔ PHẦN  
QUỐC TẾ HOÀNG GIA  
Số: /CV/HG

"V/v: Giải trình kết quả kinh doanh  
Quý II năm 2014 giảm so với quý II năm 2013"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----\*\*\*-----  
Hà long, ngày 16 tháng 7 năm 2014

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

So sánh báo cáo kết quả kinh doanh quý II năm 2014 và quý II năm 2013 của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia như sau:

DVT: VND

Diễn giải	Quý II/2014	Quý II/2013	Số tiền tăng, giảm	Tỷ lệ tăng, giảm %
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	48.041.688.906	35.899.536.168	12.142.152.738	34
Chi phí hoạt động tài chính	6.350.195.694	2.888.967.342	3.461.228.352	120
Giá vốn hàng bán	45.765.264.990	27.884.015.256	17.881.249.734	64
Chi phí bán hàng	5.630.572.428	3.832.842.138	1.797.730.290	47
Chi phí quản lý	33.828.837.270	8.393.550.990	25.435.286.280	303
Cộng chi phí	85.224.674.688	36.436.794.792	48.787.879.896	134
Lợi nhuận sau thuế	(44.460.229.440)	(6.913.320.924)	(37.546.908.516)	

**Giải trình chênh lệch các chỉ tiêu:**

1. Doanh thu quý II /2014 tăng so với quý II /2013 là do quý II/2014 Công ty đã chính thức đưa khách sạn Hoàng gia Hạ long đi vào hoạt động nên doanh thu tăng.
2. Chi phí hoạt động tài chính tăng là do chi phí lãi vay tăng cụ thể: Lãi vay xây dựng cơ bản năm 2013 khi khách sạn chưa đi vào hoạt động được đưa vào vốn hóa, năm 2014 hạch toán hết vào chi phí nên chi phí lãi vay tăng.
3. Giá vốn hàng bán tăng là do các nguyên nhân sau:
  - Phí khấu hao tài sản cố định và phí dụng cụ đồ dùng tăng khoảng 9.600.000.000 đồng (Do quý II/2014 Công ty đưa khách sạn hoàng gia đi vào hoạt động nên phân bổ chi phí khấu hao và chi phí dụng cụ đồ dùng).
  - Phí tiền lương tăng khoảng 4.350.000.000 đồng do phát sinh thêm tiền lương của bộ phận khách sạn Hoàng gia Hạ long đồng thời Công ty cũng tăng lương cho cán bộ nhân viên bắt đầu từ tháng 4/2013.
  - Các chi phí khác như tiền điện, tiền nước, đồ đặt phòng.... tăng khoảng 1.900.000.000 đồng do chi phí của bộ phận khách sạn Hoàng gia Hạ long.



- Ngoài ra giá vốn tăng do doanh thu các mặt hàng ăn, uống quý II/2014 tăng so với quý II/2013.
  - 4. Chi phí bán hàng tăng là do phát sinh thêm chi phí của bộ phận khách sạn Hoàng gia Hạ long.
  - 5. Chi phí quản lý tăng là do quý II/2014 Công ty tiến hành phân bổ chi phí trước hoạt động của khách sạn Hoàng gia Hạ long; Tổng số tiền phân bổ trong năm 2014 là : 90.035.470.206 đồng/4.237.761 USD, Số phân bổ quý II/2014 là 22.508.862.240 đồng/1.059.440 USD (*Tạm tính tỷ giá 21.246 đồng/1 USD*), ngoài ra chi phí tăng còn do phát sinh thêm chi phí của bộ phận khách sạn Hoàng gia Hạ long và chi phí tiền lương của toàn công ty do Công ty tăng lương cho cán bộ nhân viên khoảng từ tháng 4/2013.
- Tất cả các nguyên nhân trên làm cho lợi nhuận sau thuế quý II/2014 giảm đột biến so với quý II/2013.

Công ty kính trình Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ chí Minh xem xét.

*Trân trọng cảm ơn!*

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

**Tổng giám đốc**



**Đỗ Trí Vỹ**





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>72.539.750.388</b>	<b>89.192.004.006</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5	<b>5.178.096.366</b>	<b>4.357.108.434</b>
1. Tiền	111		5.178.096.366	4.357.108.434
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>41.210.483.772</b>	<b>63.053.262.666</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	33.223.793.682	55.453.950.894
2. Trả trước cho người bán	132		8.582.109.240	9.086.935.446
3. Các khoản phải thu khác	135		200.753.454	236.765.424
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(796.172.604)	(1.724.389.098)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	7	<b>24.194.902.308</b>	<b>20.475.046.398</b>
1. Hàng tồn kho	141		25.557.769.470	21.837.913.560
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.362.867.162)	(1.362.867.162)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.956.267.942</b>	<b>1.306.586.508</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.154.528.886	1.092.405.582
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		801.739.056	214.180.926
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.218.643.450.104</b>	<b>1.284.586.721.166</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.089.803.605.626</b>	<b>1.126.190.078.868</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.014.788.165.088	373.923.268.692
- Nguyên giá	222		1.219.208.912.394	555.648.358.926
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(204.420.747.306)	(181.725.090.234)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	36.628.507.674	39.132.115.068
- Nguyên giá	228		100.355.098.572	100.444.650.462
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(63.726.590.898)	(61.312.535.394)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	38.386.932.864	713.134.695.108
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	11	<b>39.212.233.734</b>	<b>39.892.870.590</b>
- Nguyên giá	241		47.694.677.988	47.694.677.988
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(8.482.444.254)	(7.801.807.398)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>8.910.806.106</b>	<b>8.910.806.106</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258	12	8.910.806.106	8.910.806.106
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>80.716.804.638</b>	<b>109.592.965.602</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	79.466.180.094	108.071.412.066
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	1.250.624.544	1.521.553.536
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.291.183.200.492</b>	<b>1.373.778.725.172</b>





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014  
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	31/12/2013
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>314.421.614.862</b>	<b>318.217.510.206</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>215.955.774.348</b>	<b>210.681.731.046</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	15	98.672.202.912	103.645.169.148
2.	Phải trả người bán	312		36.591.688.356	38.856.554.448
3.	Người mua trả tiền trước	313		146.448.678	240.377.244
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	42.255.383.298	34.423.342.842
5.	Phải trả người lao động	315		8.422.211.844	6.691.746.390
6.	Chi phí phải trả	316		582.289.122	742.930.128
7.	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	29.285.550.138	26.081.610.846
8.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	232			
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>98.465.840.514</b>	<b>107.535.779.160</b>
1.	Vay và nợ dài hạn	334	18	91.405.348.548	100.408.001.112
2.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		4.206.346.818	4.361.846.292
3.	Các khoản phải trả dài hạn khác	333		1.916.346.708	1.863.189.216
4.	Doanh thu chưa thực hiện	338		937.798.440	902.742.540
<b>B.</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		<b>976.761.585.630</b>	<b>1.055.561.214.966</b>
<b>I.</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	19	<b>976.761.585.630</b>	<b>1.055.561.214.966</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		898.915.498.020	898.915.498.020
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		106.807.232.574	106.807.232.574
3.	Chênh lệch tỷ giá	416			-
4.	Quỹ dự phòng tài chính	418		13.795.580.196	13.795.580.196
5.	Lợi nhuận chưa phân phối	420		(42.756.725.160)	36.042.904.176
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>1.291.183.200.492</b>	<b>1.373.778.725.172</b>

Hạ long ngày 16 tháng 7 năm 2014

Người lập

Cao Thị Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Linh Chi

Tổng giám đốc

Đỗ Trí Vỹ





## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm	
			2014	2013	2014	2013
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01		<b>48.041.688.906</b>	<b>35.899.536.168</b>	<b>111.098.478.408</b>	<b>92.072.982.852</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.394.339.216	3.823.090.224	7.578.681.906	8.959.055.772
<i>Chiết khấu thương mại</i>	05		147.043.566	465.754.812	345.523.698	767.469.258
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	08		2.247.295.650	3.357.335.412	7.233.158.208	8.191.586.514
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10		<b>45.647.349.690</b>	<b>32.076.445.944</b>	<b>103.519.796.502</b>	<b>83.113.927.080</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		45.765.264.990	27.884.015.256	89.208.682.116	55.908.764.016
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>(117.915.300)</b>	<b>4.192.430.688</b>	<b>14.311.114.386</b>	<b>27.205.163.064</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	3.439.281.234	3.442.595.610	3.893.074.548	3.964.801.044
7. Chi phí tài chính	22	21	6.350.195.694	2.888.967.342	13.138.483.908	5.757.113.604
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.163.230.894	2.750.868.342	12.861.138.624	5.608.306.620
8. Chi phí bán hàng	24		5.630.572.428	3.832.842.138	12.159.128.292	8.209.730.598
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		33.828.837.270	8.393.550.990	68.931.329.748	18.190.060.344
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>(42.488.239.458)</b>	<b>(7.480.334.172)</b>	<b>(76.024.753.014)</b>	<b>(986.940.438)</b>
11. Thu nhập khác	31	22	3.545.362.512	610.312.596	4.051.994.628	1.497.906.738
12. Chi phí khác	32	23	5.246.423.502	1.122.744.870	6.555.941.958	2.872.990.350
13. Lợi nhuận khác	40		(1.701.060.990)	(512.432.274)	(2.503.947.330)	(1.375.083.612)
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>(44.189.300.448)</b>	<b>(7.992.766.446)</b>	<b>(78.528.700.344)</b>	<b>(2.362.024.050)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	-	(1.522.063.440)	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		270.928.992	442.617.918	270.928.992	442.617.918
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		<b>(44.460.229.440)</b>	<b>(6.913.320.924)</b>	<b>(78.799.629.336)</b>	<b>(2.804.641.968)</b>

Hạ long ngày 16 tháng 7 năm 2014

Người lập

Cao Thị Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Linh Chi

Tổng giám đốc



Đỗ Trí Vỹ



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Quý II năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Luỹ kế từ đầu năm	
		2014	2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	(78.528.700.344)	(2.362.024.050)
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>		<b>46.212.387.060</b>	<b>16.268.869.548</b>
Khấu hao tài sản cố định	02	36.357.259.992	14.391.679.218
Các khoản dự phòng	03	(928.216.494)	(1.727.363.538)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(2.810.505.864)	(2.452.914.438)
Lỗ thanh lý tài sản	05	732.710.802	449.161.686
Chi phí lãi vay	06	12.861.138.624	5.608.306.620
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	<b>(32.316.313.284)</b>	<b>13.906.845.498</b>
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	22.643.880.570	24.174.378.672
Giảm (tăng) hàng tồn kho	10	(3.719.877.156)	1.063.277.316
(Tăng) giảm các khoản phải trả	11	60.241.524.534	15.117.676.284
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(659.348.364)	(1.932.642.390)
Tiền lãi vay đã trả	13	(12.045.695.898)	(8.118.755.226)
Thuế TNDN đã nộp	14	-	(3.090.655.620)
Tiền chi khác cho HĐSXKD	16	(50.501.742)	(218.791.308)
<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<b>34.093.668.660</b>	<b>40.901.333.226</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(24.082.638.444)	(58.208.176.104)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	2.896.679.640	496.115.346
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<b>(21.185.958.804)</b>	<b>(57.712.060.758)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	79.004.355.792	104.313.398.340
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(91.168.455.648)	(82.922.118.192)
4. Thù lao Hội đồng quản trị	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<b>(12.164.099.856)</b>	<b>21.391.280.148</b>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	<b>743.610.000</b>	<b>4.580.552.616</b>





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Quý II năm 2014  
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Lũy kế từ đầu năm	
		2014	2013
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	4.357.108.434	4.135.810.098
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	77.377.932	2.452.914.438
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	5.178.096.366	11.169.277.152

Hạ long ngày 16 tháng 7 năm 2014

Người lập

Cao Thị Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Linh Chi

Tổng giám đốc



Đỗ Trí Vỹ





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

Quý II - năm 2014

### 1. Thông tin khái quát

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/4/2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29/12/2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15/06/2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14/03/2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phiếu của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Ngày 28/01/2008, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953/GCNĐC3/22/1 chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 410.319.760.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 41.031.976 cổ phần.

Ngày 01/07/2008, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đầu tư đăng ký lại số 221.032.000.118 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư 2005.

Ngày 30/10/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 1 số 221.032.000.118 chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 514.381.130.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 51.438.113 cổ phần.







Ngày 30/6/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 2 số 221.032.000.118 về thay đổi vốn của cổ đông sáng lập.

Ngày 22/9/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 3 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 565.814.070.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 56.581.407 cổ phần

Ngày 22/11/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 5 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 650.673.890.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 65.067.389 cổ phần

Ngày 30/10/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 7 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 703.687.540.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 70.368.754 cổ phần

Ngày 25 tháng 7 năm 2013, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 8 số 221.032.000.118. Theo đó, Đại diện Công ty là Ông Đỗ Trí Vỹ, người Đài Loan, Chức vụ Tổng Giám đốc.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp. Công ty mẹ của cả Tập đoàn là Công ty Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đổi ngoại tệ theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính và kỳ kế toán

### Cơ sở lập báo cáo tài chính



Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), trên cơ sở qui đổi từ báo cáo gốc là đô la mỹ (USD) theo tỷ giá Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại ngày 31/12/2013 và 30/06/2014 là: 21.246 VND/1USD và 21.246 VND/1USD.

#### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **3. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới**

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



### Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia

Ngày 01 tháng 07 năm 2009, Hội đồng Quản trị đã ban hành chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, khách chỉ được cho vay trong một hạn mức và trong một khoảng thời gian nhất định do Tổng Giám đốc quyết định. Khách hàng được cho vay dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

### Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên thời gian từ khi bắt đầu cho nợ, cụ thể như sau:

<u>Thời gian nợ (tháng)</u>	<u>Tỷ lệ dự phòng (%)</u>
0 – 1	3
1 – 2	6,25
2 – 3	12,50
3 – 4	25
4 – 5	50
5 – 6	75
Trên 6 tháng	100

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

Loại hàng tồn kho	Phương pháp tính giá
Hàng ăn	Nhập trước - Xuất trước
Hàng giải khát	Bình quân gia quyền
Hàng lưu niệm, mỹ nghệ	Giá đích danh
Vật tư khác	Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.



### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	35
Máy móc và thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	8
Tài sản khác	5

### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng 8,6 ha đất; 8 ha bãi cát bờ biển và 10,8 ha mặt nước tiếp giáp bờ biển tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13/08/1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 35 năm.

#### Các khoản trả trước dài hạn



Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm giá trị còn lại của các khoản chi phí trước hoạt động phát sinh trước khi Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long đi vào hoạt động kinh doanh, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng trong nhiều kỳ kinh doanh và các tài sản có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu đồng theo Thông tư 45. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2-3 năm theo các quy định hiện hành.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu từ hoạt động trò chơi có thưởng

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng, cụ thể:

Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi. Kết quả này không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa.

Doanh thu hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng bằng số tiền thu được do đổi cho khách tại quầy thu ngân trước khi chơi trừ đi số tiền trả lại cho khách.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi



việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.



Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

#### 5. Tiền

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	4.229.866.140	3.699.417.258
Tiền gửi ngân hàng	10.686.738	10.686.738
Tiền đang chuyển	937.543.488	647.004.438
	<b>5.178.096.366</b>	<b>4.357.108.434</b>

#### 6. Phải thu của khách hàng

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu từ khách hàng CLB	26.539.334.670	50.763.471.474
Phải thu từ các hoạt động kinh doanh khác	6.684.459.012	4.690.479.420
	<b>33.223.793.682</b>	<b>55.453.950.894</b>

#### 7. Hàng tồn kho

	30/06/2014 VND	12/31/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	21.094.643.496	17.453.546.508
Hàng hóa	4.463.125.974	4.384.367.052
<b>Cộng:</b>	<b>25.557.769.470</b>	<b>21.837.913.560</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.362.867.162)	(1.362.867.162)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<b>24.194.902.308</b>	<b>20.475.046.398</b>



8. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính : VND

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2014	423.033.482.676	101.320.899.240	2.219.484.636	18.891.093.360	10.183.399.014	555.648.358.926
Tại ngày 30/06/2014	928.623.992.280	224.327.356.974	12.844.248.054	19.249.598.364	34.163.716.722	1.219.208.912.394
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2014	319.312.635.276	43.030.054.950	258.478.836	9.168.328.872	2.153.770.758	373.923.268.692
Tại ngày 30/06/2014	113.626.178.766	67.930.728.132	2.924.873.082	10.243.950.114	9.695.017.212	204.420.747.306
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2014	103.720.847.400	58.290.844.290	1.961.005.800	9.722.764.488	8.029.628.256	181.725.090.234
Tại ngày 30/06/2014	814.997.813.514	156.396.628.842	9.919.374.972	9.005.648.250	24.468.699.510	1.014.788.165.088

9. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2014	98.793.900.000	1.650.750.462	100.444.650.462
Tại ngày 30/06/2014	98.793.900.000	1.561.198.572	100.355.098.572
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2014	60.031.529.070	1.281.006.324	61.312.535.394
Tại ngày 30/06/2014	62.652.541.860	1.074.049.038	63.726.590.898
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2014	38.762.370.930	369.744.138	39.132.115.068
Tại ngày 30/06/2014	36.141.358.140	487.149.534	36.628.507.674

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2014	12/31/2013
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)	38.386.932.864	713.134.695.108
<b>Cộng:</b>	<b>38.386.932.864</b>	<b>713.134.695.108</b>





(\*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang giảm do kết chuyển chi phí xây dựng cơ bản khách sạn Hoàng gia Hạ Long.

11. Bất động sản đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	Nhà cửa vật kiến trúc	Tổng
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2014	47.694.677.988	47.694.677.988
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>47.694.677.988</b>	<b>47.694.677.988</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2014	7.801.807.398	7.801.807.398
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>8.482.444.254</b>	<b>8.482.444.254</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2014	39.892.870.590	39.892.870.590
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>39.212.233.734</b>	<b>39.212.233.734</b>

12. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư tài chính dài hạn khác là giá trị khoản tiền góp vốn vào Công ty cổ phần chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia, tương ứng với 5% vốn điều lệ của công ty này.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2014	12/31/2013
	VND	VND
Chi phí trước hoạt động*		
<i>Khách sạn 5 sao</i>	45.017.724.480	90.035.491.452
	45.017.724.480	90.035.491.452
Công cụ dụng cụ	34.377.493.974	17.723.328.216
Sửa chữa lớn tài sản cố định	70.961.640	312.592.398
<b>Cộng:</b>	<b>79.466.180.094</b>	<b>108.071.412.066</b>

(\*) Công ty phân bổ chi phí trước hoạt động trong vòng 01 năm (2014) kể từ khi khách sạn đi vào hoạt động (01/1/2014) theo hướng dẫn tại Công văn số 392/TC-TCĐN ngày 10 tháng 1 năm 2003 của Bộ Tài chính.



**14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Dự phòng trợ cấp thôi việc	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Đơn vị tính: VND Tổng
Tại ngày 01/01/2014	1.090.472.196	431.081.340	1.521.553.536
Tại ngày 30/06/2014	<b>1.051.592.016</b>	<b>199.032.528</b>	<b>1.250.624.544</b>

**15. Các khoản vay và nợ ngắn hạn**

	30/06/2014 VND	12/31/2013 VND
Ngân ngân hàng TMCP Công thương Việt nam – CN Thanh xuân (1)	39.413.539.584	40.086.357.912
Ngân ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam – CN Hạ long (2)	24.866.828.304	29.875.424.082
Ngân hàng TMCP Eximbank Quảng Ninh (3)	19.836.327.900	20.147.029.404
Vay dài hạn đến hạn trả	14.555.507.124	13.536.357.750
<b>Cộng:</b>	<b>98.672.202.912</b>	<b>103.645.169.148</b>

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 40 tỷ đồng và đáo hạn vào ngày 31 tháng 8 năm 2014. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này cùng với khoản vay dài hạn tại Thuyết minh số 17 được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của Công ty.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 25 tỷ đồng và đáo hạn vào ngày 27 tháng 03 năm 2015. Khoản vay này chịu lãi suất 10,5%/năm và được tự động điều chỉnh theo mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị phân phối điện.

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng là 20 tỷ đồng và đáo hạn vào ngày 14 tháng 5 năm 2015. Khoản vay này chịu lãi suất là 10,5% và được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Công viên Hoàng Gia.



16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2014	12/31/2013
	VND	VND
Thuế GTGT	16.130.770.548	10.356.851.358
Thuế tiêu thụ đặc biệt	17.000.326.836	14.992.728.558
Thuế thu nhập doanh nghiệp	668.462.898	675.325.356
Các loại thuế khác	8.455.823.016	8.398.437.570
<b>Cộng:</b>	<b>42.255.383.298</b>	<b>34.423.342.842</b>

17. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chíp trôi nổi	19.492.567.620	17.021.870.280
Công ty TNHH xây dựng Diệu Đức Phước Thành	1.297.641.942	1.311.005.676
Công ty TNHH Dự Thành	863.246.226	568.585.452
Công ty TNHH phát triển Diệp Anh	444.360.090	347.499.576
Bảo hiểm xã hội	2.288.385.414	2.310.693.714
Bảo hiểm y tế	898.812.030	587.111.964
Bảo hiểm thất nghiệp	377.520.174	256.184.268
Các khoản phải trả khác	3.623.016.642	3.678.659.916
	<b>29.285.550.138</b>	<b>26.081.610.846</b>

18. Các khoản vay và nợ dài hạn

	30/06/2014	12/31/2013
	VND	VND
Vay và nợ dài hạn (1)	91.405.348.548	100.408.001.112
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	4.206.346.818	4.361.846.292
Phải trả dài hạn khác	1.916.346.708	1.863.189.216
Doanh thu chưa thực hiện	937.798.440	902.742.540
	<b>98.465.840.514</b>	<b>107.535.779.160</b>

Tại ngày 18 tháng 12 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn số 01/2008/Sheraton với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân để xây dựng đầu tư khách sạn Hoàng Gia Hạ Long



và được gia hạn/sửa đổi vào ngày 08 tháng 01 năm 2013 tại văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 07/PL. Sheraton là 170 tỷ VND. Thời hạn cho vay là 96 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên với khoản cho vay bổ sung, thời gian ân hạn là 3 tháng, thời gian trả nợ là 93 tháng. Khoản vay bổ sung được trả trong 31 kỳ 3 tháng, kỳ trả nợ đầu tiên được ấn định sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay chịu lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ và được trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay này.

**19. Vốn chủ sở hữu**

**Thay đổi vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính : VND

	Vốn đầu tư của chủ	Lợi nhuận chưa	Thặng dư vốn cổ	Quỹ dự phòng tài	Tổng cộng
	sở hữu	phân phối	phần	chính	
Số dư 31/12/2013	898.915.498.020	106.807.232.574	13.795.580.196	36.042.904.176	1.055.561.214.966
Số dư 30/06/2014	<b>898.915.498.020</b>	<b>106.807.232.574</b>	<b>13.795.580.196</b>	<b>(42.756.725.160)</b>	<b>976.761.585.630</b>

Tình hình vốn góp của các cổ đông tại thời điểm 30/06/2014 như sau :

Đơn vị tính : VND

Cổ đông	30/06/2014		31/12/2013	
		Tỷ lệ %		Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Chính Nghĩa	61.100.500.314	7	61.100.500.314	7
Công ty TNHH đầu tư quốc tế Khải		52		52
Tiếp	472.076.474.316		472.076.474.316	
Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước	119.603.570.898	13	119.603.570.898	13
Các cổ đông khác	246.134.952.492	28	246.134.952.492	28
<b>Cộng:</b>	<b>898.915.498.020</b>	<b>100</b>	<b>898.915.498.020</b>	<b>100</b>



**20. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý II/2014	Quý II/2013
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá	197.927.736	306.579.780
Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	2.810.505.864	2.568.683.892
Doanh thu hoạt động tài chính khác	426.598.434	564.548.712
Lãi tiền gửi	4.249.200	2.783.226
	<b>3.439.281.234</b>	<b>3.442.595.610</b>

**21. Chi phí hoạt động tài chính**

	Quý II/2014	Quý II/2013
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá	186.964.800	138.099.000
Lãi tiền vay	6.163.230.894	2.750.868.342
	<b>6.350.195.694</b>	<b>2.888.967.342</b>

**22. Thu nhập khác**

	Quý II/2014	Quý II/2013
	VND	VND
Thu từ thanh lý TSCĐ	2.896.679.640	-
Thu khác	648.682.872	610.312.596
	<b>3.545.362.512</b>	<b>610.312.596</b>

**23. Chi phí khác**

	Quý II/2014	Quý II/2013
	VND	VND
Giá trị còn lại của TSCĐ đã thanh lý	3.628.264.404	-
Các khoản chi khác	1.618.159.098	1.122.744.870
	<b>5.246.423.502</b>	<b>1.122.744.870</b>



24. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(78.528.700.344)	(2.362.024.050)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ:	-	-
- Thu nhập không chịu thuế (1)		
Cộng:	1.649.433.210	1.360.317.642
- Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu		
- Chi phí không hợp lý cho mục đích tính thuế	1.649.433.210	1.360.317.642
- Chi phí dự phòng	(1.083.715.968)	(1.727.363.538)
Thu nhập chịu thuế	(77.962.983.102)	(2.729.069.946)
Thuế suất	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	270.928.992	442.617.918

25. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Lũy kế đến 30/06/2014 VND	Lũy kế đến 30/06/2013 VND
Chi phí lãi vay phát sinh với công ty TNHH đầu tư quốc tế Khải Tiệp	0	200.838.438
Bán hàng cho Công ty TNHH đầu tư quốc tế Khải Tiệp	48.164.682	42.789.444
Bán hàng cho bà Nguyễn Tiểu Mai	123.864.180	74.148.540
<b>Số dư với các bên liên quan:</b>		
	<b>30/06/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư các khoản phải thu		
Nguyễn Tiểu Mai	74.658.444	0
Số dư các khoản phải trả		
Các khoản phải trả khác cho Công ty TNHH đầu tư quốc tế Khải Tiệp	297.359.016	342.336.798



*Thu nhập của Ban Giám đốc điều hành được hưởng trong quý như sau:*

	Quý II/2014 VND	Quý II/2013 VND
Thu nhập của Ban giám đốc điều hành	405.479.910	386.337.264

26. Những thông tin khác

*Hạ long ngày 16 tháng 07 năm 2014*

Người lập

Cao Thị Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Linh Chi

Tổng giám đốc



Đỗ Trí Vỹ

